TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H,
TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị MM.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Kim T
2/ Bà Nguyễn Thùy D.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Kim Q– Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 244/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023. Về: "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST– HNGĐ ngày 24/7/2023; Quyết định Hoãn phiên tòa số 75/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hùng C - Sinh năm 1979;
Địa chỉ: Thôn P, xã H1, huyện H, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Võ Thái C – Sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn P, xã H1, huyện H, tỉnh B.

Ông C có đơn xin xét xử vắng mặt; Bà C vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 08/6/2023 và tại khai nguyên đơn ông Lê Hùng C trình bày: Ông có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà Võ Thái C. Ông và bà C cưới nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H2, huyện L, tỉnh B. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng sống chung tại phường P1, thành phố P, tỉnh B. Thời gian vợ chồng sống chung với nhau được khoảng hơn 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, ông cảm thấy không có

hạnh phúc với bà C nên thường xuyên bất đồng quan điểm, mặc dù đã nhiều lần hòa giải ở gia đình nhưng vẫn không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến ngày 18/01/2020 vợ chồng không còn sống chung cho mãi đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Võ Thái C.

Tại bản khai ngày 16/6/2023 bà Võ Thái C trình bày: Bà và ông C cưới nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H2, huyện L, tỉnh L. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu thời gian rất ngắn. Vợ chồng sống bất đồng quan điểm, không hợp nhau, không có tình cảm và kết thúc không sống chung từ ngày 18/01/2020 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm không còn nữa và bà cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà Võ Thái C vắng mặt nên ông yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Võ Thái C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tụng tố tụng như lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn P, xã H1, huyện H, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng*:* Ông Lê Hùng C có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Võ Thái C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà C cưới nhau vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H2, huyện L, tỉnh B năm. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Ông C cho rằng thời gian vợ chồng sống chung với nhau được khoảng hơn 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, ông cảm thấy không có hạnh phúc với bà C. Đến ngày 18/01/2020 vợ chồng không còn sống chung cho mãi đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Võ Thái C.

Về phía bị đơn đã trình bày bản khai nhưng các khi Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đến khi Tòa án mở phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà C nhưng bà C cố tình lẫn tránh, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông C, bà C thực tế đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy, yêu cầu được ly hôn của ông Lê Hùng C là có căn cứ nên chấp nhận.

- *Về con chung*: Vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí*:* Ông Lê Hùng C phải chịu 300.000đồng án phí ly Hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Bà Võ Thái C không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Khoản 4 Điều 91, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 146, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Hùng C về việc yêu cầu ly hôn với bà Võ Thái C.

Ông Lê Hùng C được ly hôn với bà Võ Thái C.

2. Về án phí:

Ông Lê Hung C phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Lê Hùng C đã nộp đủ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0014729 ngày 14/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên không nộp nữa.

Bà Võ Thái C không chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo :

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị MM